

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày 27-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐ-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: 266-268 N, phường V, QUẬN C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P - Chức vụ: Phó phòng phụ trách phòng Giao dịch.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Hán M – Phó phòng Phòng giao dịch phụ trách kinh doanh.

Địa chỉ: Số A, Khóm B, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** (sau đây gọi tắt là **Ngân hàng**) có người đại diện theo ủy quyền là ông **Hà Hán M** trình bày:

Ngày 05/09/2022, Ngân hàng và ông **Phạm Văn N** có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 363978692, nội dung hợp đồng là ông **N** được Ngân hàng cấp hạn mức sử dụng thẻ với số tiền 10.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất thời điểm phát hành thẻ là 31,20%/năm. Sau khi được cấp tín dụng ông **N** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, đến ngày 24/7/2023, ông **N** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.692.664 đồng, ông **N** vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên Ngân hàng đã chấp dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 27/02/2024, ông **N** còn nợ Ngân hàng số tiền 16.479.612 đồng (trong đó: nợ gốc 11.785.500 đồng, lãi quá hạn 4.694.112).

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **N** thanh toán số nợ gốc và lãi chưa thanh toán, tạm tính đến ngày 27/02/2024, ông **N** phải thanh toán Ngân hàng số tiền 16.479.612 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 28/02/2024 cho đến khi ông **N** trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông **Phạm Văn N** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng pháp luật. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2024, ông **N** còn nợ Ngân hàng số tiền 16.479.612 đồng (trong đó: nợ gốc 11.785.500 đồng, lãi quá hạn 4.694.112) và thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 28/02/2024 cho đến khi ông **N** trả hết nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và Phạm Văn N ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 363978692, ông N được cấp hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Khi thực hiện giao dịch ông bị đơn ông Phạm Văn N có địa chỉ cư trú tại Ấp C, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Hà Hán M có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Phạm Văn N, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt không rõ lý do. Ông N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu ông Phạm Văn N trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 363978692, ông N đã thực hiện các giao dịch sử dụng số tiền hạn mức 10.000.000 đồng và không thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận cam kết về Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Việc Ông N không thanh toán cho Ngân hàng theo đúng thời hạn theo quy định của người sử dụng thẻ tín dụng hạn mức là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên ký kết, vi phạm Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, số nợ của ông N đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi theo thỏa thuận của người sử dụng thẻ tín dụng hạn mức. Quá trình giải quyết vụ án ông N cũng không chứng minh việc đã thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Theo quy định về sử dụng thẻ tín dụng hạn mức, tính đến ngày 27/02/2024, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền 16.479.612 đồng (trong đó: nợ gốc 11.785.500 đồng, lãi quá hạn 4.694.112). Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số nợ gốc và lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 27/02/2024 là 16.479.612 là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, ông N còn phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 28/02/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn N có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được

chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của **ủy ban thường vụ Q** quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông **N** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 823.980 đồng.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** đối với bị đơn ông **Phạm Văn N** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông **Phạm Văn N** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/02/2024 là 16.479.612 đồng (trong đó: nợ gốc 11.785.500 đồng, lãi quá hạn 4.694.112). Kể từ ngày 28/02/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông **N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông **Phạm Văn N** phải chịu 823.980 đồng. **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** không phải chịu án phí, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008067 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, nay được hoàn lại toàn bộ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. Giá Rai;
- Chi cục THADS Tx. Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt